

Số: 14 /GPMT-UBND

Thái Bình, ngày 16 tháng 03 năm 2023

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1416/QĐ-UBND, ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường “Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy may công nghệ cao tại xã Tự Tân, huyện Vũ Thư”;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Maxport Limited (Việt Nam) - Chi nhánh Thái Bình tại Văn bản số 20/CV-MP ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc giải trình, chỉnh sửa bổ sung một số nội dung trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án “Nhà máy may công nghệ cao tại xã Tự Tân, huyện Vũ Thư” và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 99/TTr-STNMT ngày 06 tháng 3 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Maxport Limited (Việt Nam) - Chi nhánh Thái Bình (địa chỉ: Xã Tự Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Nhà máy may công nghệ cao tại xã Tự Tân, huyện Vũ Thư” với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy may công nghệ cao tại xã Tự Tân, huyện Vũ Thư.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Tự Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0107721413-002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình đăng ký lần đầu ngày 23/3/2017 và đăng ký thay đổi lần 3 vào ngày 27/9/2017.

1.4. Mã số thuế: 0107721413-002.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: May mặc.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Tổng diện tích của cơ sở là 110.238,8 m<sup>2</sup> (trong đó đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng Nhà máy may là 100.196,8m<sup>2</sup>; còn lại đất giao để quản lý sử dụng là 10.042m<sup>2</sup>) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 699988 do Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình cấp ngày 30/8/2017.

- Công suất thiết kế của cơ sở: 650.000 áo jacket/năm, quy đổi thành 6.500.000 SMC/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Maxport Limited (Việt Nam) - Chi nhánh Thái Bình.**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Maxport Limited (Việt Nam) - Chi nhánh Thái Bình có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

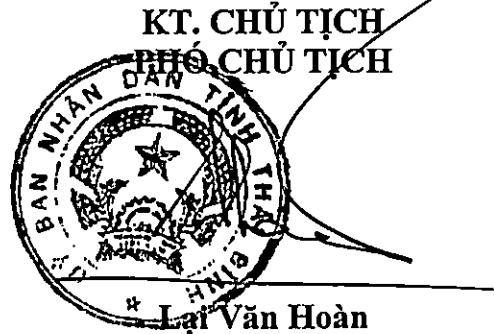
2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

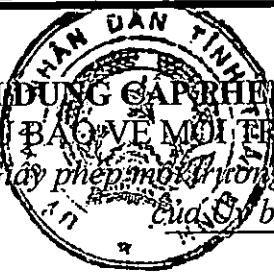
**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp Giấy phép.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *Ph*

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND huyện Vũ Thư;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Công ty TNHH Maxport Limited (Việt Nam) - Chi nhánh Thái Bình;
- Công Thông tin điện tử tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, NNTNMT. *✓*





## Phụ lục 01

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
 (Kèm theo Giấy phép môi trường số 14/GPMT-UBND ngày 16 tháng 03 năm 2023  
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:****1. Nguồn phát sinh nước thải:**

01 nguồn phát sinh nước thải, gồm: nước thải nhà ăn và nước thải từ các bể tự hoại.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận: 01 dòng tương ứng với 01 nguồn phát sinh nước thải.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh Kiến Giang.

**2.3. Vị trí xả nước thải:**

- Kênh Kiến Giang thuộc địa phận xã Tự Tân, huyện Vũ Thư.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 2260677,790; Y(m) = 578949,710

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3<sup>0</sup>)

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm, tương đương 8,3m<sup>3</sup>/giờ.

2.4.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý tự chảy vào nguồn tiếp nhận.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24/24 giờ.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A giá trị C<sub>max</sub>(áp dụng với hệ số K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ/ tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ; quan trắc tự động, liên tục
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/	30	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1.0	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	30	

8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
10	Phosphat ( $\text{PO}_4^{3-}$ ) (tính theo P)	mg/l	6
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100 ml	3.000

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh và nước thải nhà ăn phát sinh với tổng lưu lượng  $54,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$  đêm được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở, công suất  $200 \text{ m}^3/\text{ngày}$  đêm, nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A giá trị  $C_{\max}$ , hệ số  $K = 1,0$ .

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể trung gian → Cột lọc áp lực → Khử trùng bằng tia UV → Kênh Kiến Giang.

- Công suất thiết kế:  $200 \text{ m}^3/\text{ngày}$  đêm.

- Hóa chất sử dụng: NaOH 100kg/năm;  $\text{H}_2\text{SO}_4$  60kg/năm;  $\text{Na}_2\text{CO}_3$  2.496 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

a) Biện pháp phòng ngừa:

- Tuân thủ đúng các bước vận hành của hệ thống xử lý nước thải.

- Lập Nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải, ghi chép hoạt động của hệ thống hàng ngày; ghi chép cụ thể tình trạng và các biện pháp xử lý khi xảy ra sự cố.

- Kiểm tra, theo dõi, bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải.

- Trang bị máy phát điện dự phòng đảm bảo hệ thống thu gom nước thải hoạt động bình thường trong trường hợp gặp sự cố mất điện.

**b) Quy trình ứng phó sự cố:**

Trường hợp hệ thống xảy ra hỏng hóc nặng, khóa van xả nước thải sau hệ thống xử lý ra ngoài môi trường, nước thải được lưu trữ tạm thời tại bể kiểm chứng cũ (có khả năng lưu chứa nước thải trong vòng 20 giờ), nhanh chóng tiến hành sửa chữa kịp thời. Trường hợp nước thải vượt quá khả năng lưu chứa của bể thì tạm dừng hoạt động của cơ sở để khắc phục, sửa chữa, bảo đảm chỉ xả nước thải đã xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

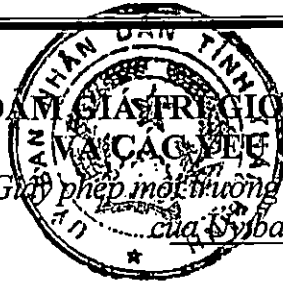
3.3. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải vượt quy chuẩn quy định ra ngoài môi trường.

1942

1942  
1942  
1942  
1942

1942



**Phụ lục 02**

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**MÃC CÁCH VỀ CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 14/GPMT-UBND ngày 16 tháng 03 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Từ khu vực nhà xưởng sản xuất chính của nhà máy.
- Nguồn số 02: từ khu vực đặt máy phát điện dự phòng.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Vị trí 01: Tại khu vực nhà xưởng sản xuất chính của cơ sở:
  - + Phía Đông Bắc: Tọa độ X(m) = 2260577,460; Y(m) = 578988,832.
  - + Phía Đông Nam: Tọa độ X(m) = 2260462,052; Y(m) = 578977,991.
  - + Phía Tây Nam: Tọa độ X(m) = 2260482,145; Y(m) = 578702,087.
  - + Phía Tây Bắc: Tọa độ X(m) = 2260598,984; Y(m) = 578711,149.
- Vị trí 02: khu vực đặt máy phát điện dự phòng có tọa độ X(m) = 2260652,434; Y(m) = 578929,463.

*(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiều 3<sup>0</sup>)*

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT; cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường





## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

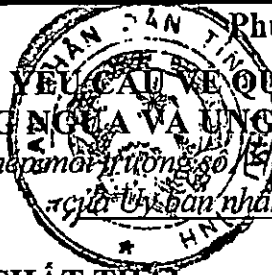
### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Xây dựng nhà xưởng cao ráo, thoáng đãng để phát tán âm thanh tốt.
- Lắp đặt các thiết bị theo đúng biện pháp kỹ thuật để giảm ồn; đặc biệt với các thiết bị gây ồn lớn được lắp đặt chân đế, bệ máy, và lắp đặt các đệm chống ồn, rung cho thiết bị.
- Bố trí các nhà để xe, lối ra vào theo một chiều hợp lý; nhắc nhở lái xe tắt máy khi vào đến khu vực công ty; xe ô tô chạy với tốc độ chậm, không bấm còi inh ỏi gây ồn cho khu vực xung quanh.
- Trồng cây xanh và xây dựng tường rào xung quanh nhà máy.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



Phụ lục 03

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 123/GPMT-UBND ngày 16 tháng 03 năm 2023  
tại Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	28,8
2	Các loại dầu thải	17 07 03	33
3	Các thiết bị, bộ phận linh kiện điện tử thải	19 02 05	2,2
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	14
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	13,2
6	Chất thải lây nhiễm	13 01 01	24,99
	<b>Tổng khối lượng</b>		<b>116,19</b>

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Rác thải công nghiệp	293.610
2	Bìa carton phế	28.600
3	Túi nilong trắng phế	6.497
4	Nhựa phế liệu các loại	7.274
5	Lõi chỉ giấy, giấy vụn	32.506
6	Ống giấy	21.654
7	Bông vụn	3.064
8	Vải vụn tái chế	23.739
9	Sắt vụn	701

10	Bùn thải	3.400
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>421.045</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	145.500
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>566.545</b>

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, bao bì chuyên dụng.
- Kho lưu giữ chất thải nguy hại:
  - + Diện tích 12 m<sup>2</sup>.
  - + Thiết kế, cấu tạo: Tường bao kín, nền bê tông, mái tôn.

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, bao bì chuyên dụng.
- Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:
  - + Diện tích 55,38 m<sup>2</sup>.
  - + Thiết kế, cấu tạo: Tường bao kín, nền bê tông, mái tôn.

**2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, bao bì chuyên dụng.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo

quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại Điểm b, Khoản 6, Điều 124, Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Điều 108, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



**Phụ lục 04**

**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(*Kèm theo Giấy phép môi trường số 14 /GPMT-UBND ngày 16 tháng 03 năm 2023*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình*)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo văn bản số 1416/QĐ-UBND ngày 29/6/2015 của UBND tỉnh Thái Bình phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường “Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy may công nghệ cao tại xã Tụ Tân, huyện Vũ Thư”.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

3. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường đến cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định.

4. Công khai giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật./.